

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2025/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết việc xây dựng khu công nghiệp sinh thái và các biểu mẫu có liên quan quy định tại các Điều 2, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, 53 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 35/2022/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng, phát triển, chứng nhận, thu hồi và chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

Điều 2. Công sinh công nghiệp và giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn

1. Cộng sinh công nghiệp quy định tại khoản 7 Điều 2 và điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP bao gồm các hoạt động hợp tác:

- a) Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra (nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác) trong quá trình sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- b) Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba cung cấp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);
- c) Sử dụng chung dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba trong hoặc ngoài khu công nghiệp cung cấp.

2. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp có ít nhất một trong các hoạt động quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này được tính là 01 cộng sinh công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

3. Giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP gồm:

- a) Các giải pháp giảm chất thải tại nguồn: quản lý nội bộ doanh nghiệp và sử dụng các vật liệu thay thế; kiểm soát quy trình, thiết bị sản xuất; cải tiến, đổi mới, thay thế thiết bị, dây chuyền công nghệ của doanh nghiệp, tiết kiệm năng lượng nhằm giảm tiêu hao nguyên liệu đầu vào, năng lượng và chất thải, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;
- b) Các giải pháp tuần hoàn: thu gom, xử lý, tái sử dụng, tái chế các chất thải, phế liệu, nước mưa để phục vụ sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- c) Các giải pháp cải thiện sản phẩm thông qua cải tiến thiết kế, bao bì và đóng gói sản phẩm nhằm giảm tác động đến môi trường.

4. Trong quá trình đánh giá, giám sát doanh nghiệp thực hiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tham khảo ý kiến của tổ chức, đơn vị chuyên môn trong nước đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn hoặc tổ chức quốc tế có năng lực, chuyên môn về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thông qua tổ chức họp lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 3. Thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp

1. Thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 36 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP là tập

hợp gồm các nền tảng, dữ liệu, chỉ số về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn của khu công nghiệp quy định tại Phụ lục A và Phụ lục B ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn), bao gồm:

a) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn ở cấp địa phương do Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế là đầu mối thực hiện nhằm thu thập, xây dựng, quản lý, vận hành để theo dõi, giám sát, chứng nhận, thu hồi, chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm khoản 5 Điều 36 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn ở cấp doanh nghiệp, tổ chức do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, doanh nghiệp trong khu công nghiệp và các tổ chức có liên quan thực hiện nhằm thu thập, báo cáo, quản lý, vận hành để sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và kết nối cộng sinh công nghiệp của khu công nghiệp và doanh nghiệp trong khu công nghiệp với sự phối hợp, giám sát của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

3. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này được tích hợp vào Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp và khu kinh tế do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, vận hành và quản lý. Nền tảng trực tuyến của hệ thống được công bố trên website của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, doanh nghiệp và tổ chức có liên quan quy định tại điểm a, điểm b khoản này được cung cấp tài khoản truy cập trực tuyến để cung cấp, cập nhật dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn.

Điều 4. Xác định diện tích các loại đất để tính tỷ lệ đất cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp

1. Diện tích đất cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 37 Nghị định 35/2022/NĐ-CP bao gồm:

a) Diện tích đất cây xanh của khu công nghiệp;

b) Diện tích đất giao thông của khu công nghiệp;

c) Diện tích đất dành cho các hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp: gồm cung cấp năng lượng, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác trừ diện tích quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) Diện tích đất dành cho hệ thống hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp: gồm hệ thống hạ tầng cho dịch vụ tiện ích công cộng như: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, cơ sở lưu trú, hệ thống công viên, vườn hoa, sân chơi và các công trình hạ tầng xã hội khác.

2. Tỷ lệ % diện tích của từng loại đất quy định tại khoản 1 Điều này được xác định trên tổng diện tích của khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch xây dựng khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Chương II

CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI VÀ DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Điều 5. Điều kiện đề xuất đầu tư mới khu công nghiệp sinh thái

1. Đề xuất dự án đầu tư hoặc Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái bao gồm các nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

2. Các nội dung xem xét việc đáp ứng điều kiện của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 gồm:

a) Dự kiến các ngành, nghề chính thu hút đầu tư vào khu công nghiệp được xác định theo quy hoạch xây dựng của khu công nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Dự kiến mức phát thải cho các ngành, nghề chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được tính toán trên cơ sở hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính của Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) hoặc công cụ quốc tế có liên quan và hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính của các ngành, lĩnh vực do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

c) Dự kiến phương án cộng sinh công nghiệp được phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này.

d) Phương án xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát đầu vào, đầu ra của khu công nghiệp về sử dụng nguyên vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu có thể được lập và thực hiện trên hệ thống quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

đ) Phương án thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh có thể được xây dựng theo Báo cáo trách nhiệm xã hội (CSR), Báo cáo môi trường, xã hội, quản trị (ESG) hoặc các báo cáo phát triển bền vững tương tự.

e) Cam kết đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái quy định tại Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP trong vòng 08 năm kể từ thời điểm khu công nghiệp được thành lập và xác định rõ lộ trình thực hiện.

Điều 6. Mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái

1. Mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái quy định tại Phụ lục A.

2. Mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái quy định tại Phụ lục B.

3. Mẫu văn bản của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái quy định tại Phụ lục C.

Chương III

BÁO CÁO THEO DÕI, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THỰC HIỆN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Điều 7. Báo cáo theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái

1. Báo cáo tình hình thực hiện khu công nghiệp sinh thái của năm báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP được nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái lập, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn và gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế vào ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo liền kề để theo dõi, giám sát.

2. Báo cáo tình hình thực hiện doanh nghiệp sinh thái quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP được các doanh nghiệp sinh thái lập, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn, gửi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế vào thời điểm ngày 15 tháng 3 năm tiếp theo liền kề để theo dõi, giám sát.

3. Các mẫu báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được quy định tại Phụ lục A và Phụ lục B ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Đánh giá hiệu quả thực hiện khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái

Việc đánh giá hiệu quả thực hiện khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP được thực hiện thông qua các chỉ số về kinh tế, xã hội, môi trường quy định tại Phụ lục A và Phụ lục B ban hành kèm theo Thông tư này và cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hàng năm, rà soát, đánh giá khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái;

b) Kịp thời cập nhật các quy định liên quan đến khu công nghiệp sinh thái theo các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thương mại, xây dựng, lao động, môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ ngành liên quan, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản có liên quan đến khu công nghiệp sinh thái.

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm bảo đảm kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái theo quy định.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bảo đảm kinh phí và nguồn lực thực hiện cập nhật thông tin về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2025.

2. Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ;
- Công báo VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các Vụ PC, KTCNDV, KHGDTN&MT, PTHT&ĐT, ĐTNN;
- Các Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Lưu: VT, QLKKT (03 b).

Nguyễn Chí Dũng

DANH MỤC

CÁC MẪU VĂN BẢN; BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên mẫu văn bản	Ký hiệu
PHỤ LỤC A: MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI		
1	Văn bản đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (Điểm a khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP)	Mẫu A.1
2	Báo cáo về tình hình hoạt động và thu hút đầu tư của khu công nghiệp (Điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP)	Mẫu A.2
3	Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái (Điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP)	Mẫu A.3
4	Báo cáo theo dõi, giám sát thực hiện khu công nghiệp sinh thái (khoản 1 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)	Mẫu A.4
5	Các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của khu công nghiệp sinh thái (khoản 4 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)	Mẫu A.5
PHỤ LỤC B: MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI		
1	Văn bản đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (Điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP)	Mẫu B.1
2	Báo cáo về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái (Điểm b khoản 2 Điều 42 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP)	Mẫu B.2
3	Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái (Điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP)	Mẫu B.3

4	Báo cáo theo dõi, giám sát thực hiện doanh nghiệp sinh thái (<i>khoản 2 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP</i>)	Mẫu B.4
5	Các chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường, xã hội của doanh nghiệp sinh thái (<i>khoản 4 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP</i>)	Mẫu B.5
PHỤ LỤC C: MẪU VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI		
1	Mẫu Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (<i>khoản 1 Điều 40 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP</i>)	Mẫu C.1
2	Mẫu Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (<i>khoản 2 Điều 40 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP</i>)	Mẫu C.2
3	Mẫu Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (<i>Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP</i>)	Mẫu C.3

PHỤ LỤC A

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.1. Văn bản đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái

(Điểm a Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Kính gửi:..... (*Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế*)

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP

1. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Tên nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)^[1] số:..... ngày cấp:..... ;

Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có)

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có):

.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tổ chức kinh tế thực hiện dự án, gồm:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân :..... Quốc tịch:

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số Hộ chiếu:..... Quốc tịch:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:
.....

2. Thông tin về khu công nghiệp và dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp

2.1. Tên khu công nghiệp:
.....

2.2. Tên dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp:

2.3. Địa điểm thực hiện dự án:
.....

2.4. Thông tin về đăng ký đầu tư của dự án: Chủ trương đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày....., lần điều chỉnh gần nhất ngày..... (nếu có).

II. KIẾN NGHỊ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ/ TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái quy định tại Điều 37 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, căn cứ Thông tư số/2025/TT-BKHĐT ngày tháng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái, Nhà đầu tư đề nghị Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh/thành phố..... đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... chứng nhận *(hoặc chứng nhận lại)* cho khu công nghiệp **(in đậm tên khu công nghiệp)** đạt tiêu chí khu công nghiệp sinh thái.

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái do cơ quan có thẩm quyền cấp./.

....., ngày.....tháng..... năm.....

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

^[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

PHỤ LỤC A

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.2. Báo cáo về tình hình hoạt động và thu hút đầu tư của khu công nghiệp

(Điểm b Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi:..... *(Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)*

1. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư theo mẫu Báo cáo năm về tình hình thực hiện dự án đầu tư dành cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư^[1] (báo cáo đã gửi trong 3 năm gần nhất).

2. Tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp^[2].

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp lũy kế đến năm gần nhất so với thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái^[3].

(Trong trường hợp không lập các báo cáo riêng, nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp có thể kết hợp các nội dung này trong báo cáo xây dựng, phát triển khu công nghiệp hàng năm, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp và các báo cáo liên quan đã gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định).

....., ngày..... tháng..... năm

Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/

tổ chức kinh tế thực hiện dự án

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

^[1] Mẫu báo cáo định kỳ của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư ban hành kèm theo Thông tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản điều chỉnh (nếu có).

^[2] Mẫu báo cáo định kỳ theo quý/6 tháng/1 năm gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

^[3] Mẫu báo cáo định kỳ theo quý/6 tháng/1 năm gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

PHỤ LỤC A

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.3. Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái

(Điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI TRÌNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(kèm theo Văn bản đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái số..... ngày..... thángnăm.....)

Kính gửi:..... *(Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)*

1. Báo cáo việc đáp ứng các tiêu chí đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

1.1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và lao động

Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và lao động trong khu công nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.

(Trong trường hợp không lập các báo cáo riêng, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp có thể kết hợp các nội dung này trong báo cáo xây dựng, phát triển khu công nghiệp hàng năm, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp và các báo cáo liên quan đã gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định).

1.2. Tình hình xây dựng hạ tầng và cung cấp các dịch vụ cơ bản trong khu công nghiệp:

a) Dịch vụ hạ tầng thiết yếu (điện, giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, xử lý nước thải, thu gom vận chuyển chất thải rắn, các dịch vụ hạ tầng thiết yếu khác);

b) Hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong khu công nghiệp trong việc thực hiện cộng sinh công nghiệp (một hoặc một số giải pháp sau):

- *Năng lượng*: công trình hoặc hoạt động tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng; đầu tư hạ tầng và sử dụng năng lượng tái tạo.

- *Nước*: hạ tầng/giải pháp hỗ trợ sử dụng nước hiệu quả và tái sử dụng/tuần hoàn nước.

- *Hơi nước*: hạ tầng/giải pháp hỗ trợ chia sẻ, sử dụng hiệu quả hơi nước.

- *Trao đổi nguyên vật liệu và chất thải*: lưu trữ và chia sẻ thông tin, dữ liệu chung để hỗ trợ trao đổi nguyên vật liệu, chất thải; hình thành và duy trì các kênh thông tin trao đổi nguyên vật liệu và chất thải.

- *Hạ tầng lưu giữ nguyên vật liệu, chất thải*: quy định khu vực chung để doanh nghiệp trong khu công nghiệp lưu trữ, chia sẻ nguyên vật liệu, chất thải để tuần hoàn tái sử dụng.

1.3. Tình hình xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giám sát đầu vào, đầu ra về sử dụng nguyên vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu trong khu công nghiệp

- Mô tả việc thu thập và lưu trữ các thông tin của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp về nguyên vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu (số liệu nhu cầu, số liệu thực tế sử dụng, công cụ theo dõi, tính toán nếu có);

- Việc xây dựng dữ liệu quản lý vật liệu đầu vào đầu ra (nếu có, nêu tên và miêu tả ngắn gọn về cơ sở dữ liệu này);

- Báo cáo năm liền kề trước thời điểm đề xuất chứng nhận khu công nghiệp sinh thái về kết quả đạt được trong sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn, giảm phát thải của khu công nghiệp.

1.4. Báo cáo thực hiện bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh

- Báo cáo việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường năm liền kề trước thời điểm đề xuất chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (Báo cáo đã gửi cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế); chứng minh việc đã đăng trên website của doanh nghiệp;

- Báo cáo việc thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh năm liền kề trước thời điểm đề xuất chứng nhận khu công nghiệp sinh thái (Báo cáo đã gửi cho Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế); chứng minh việc đã đăng trên website của doanh nghiệp.

2. Báo cáo việc đáp ứng các tiêu chí đối với doanh nghiệp trong khu công nghiệp

2.1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và lao động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Đánh giá việc tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.

2.2. Tình hình thực hiện cộng sinh công nghiệp và áp dụng hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO)

a) Hình thức cộng sinh công nghiệp tại khu công nghiệp (một hoặc một số các hình thức sau)

- Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra (nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác) trong quá trình sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba cung cấp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);

- Sử dụng chung dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba trong hoặc ngoài khu công nghiệp cung cấp.

- Các liên kết cộng sinh khác (nếu có, đề nghị mô tả).

b) Mô tả cụ thể mạng lưới cộng sinh công nghiệp (kèm sơ đồ).

c) Bản sao hợp lệ Thỏa thuận/Cam kết hợp tác thực hiện cộng sinh công nghiệp của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

d) Hiệu quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu (nếu có) sau khi thực hiện cộng sinh công nghiệp thông qua một số chỉ số:

+ Tiết kiệm điện:..... (KWh/năm);

+ Tiết kiệm nhiên liệu (dầu FO, dầu DO, khí LPG, CNG, gỗ từ cây rừng tự nhiên, gỗ từ cây rừng trồng,...):..... đơn vị GJ/năm;

+ Giảm tiêu thụ nước cấp:..... m³/năm;

+ Tiết kiệm nguyên vật liệu..... tấn/năm;

- Nguyên vật liệu 1:

- Nguyên vật liệu 2:

.....

+ Tiết kiệm hóa chất:..... tấn/năm

- Hóa chất 1:

- Hóa chất 2:

.....

đ) Giảm tác động đến môi trường sau khi thực hiện cộng sinh công nghiệp thông qua một số chỉ số (nếu có):

+ Giảm chất thải rắn:..... tấn/năm;

+ Giảm phát sinh nước thải:.... m³/năm; giảm....kg/năm các thông số COD, BOD, TSS trong nước thải;

+ Giảm phát thải CO₂ tương đương:..... tấn/năm.

e) Báo cáo về hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) của các doanh nghiệp tham gia cộng sinh công nghiệp đang áp dụng gồm: Nhóm ISO 14000, Hệ thống kiểm toán và quản lý môi trường (IEMAS), Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001, Môi trường toàn cầu và phát triển năng lượng (EDGE), các tiêu chuẩn khác tương đương (nêu cụ thể kèm theo bản sao của Chứng chỉ đã được chứng thực).

2.3. Số lượng doanh nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn:...../tổng số doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh trong khu công nghiệp.

Kèm theo:

- Danh sách doanh nghiệp đã thực hiện hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn;

- Báo cáo thực hiện hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn do doanh nghiệp tự lập hoặc đơn vị tư vấn hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn thực hiện; ý kiến của các cơ quan liên quan;

- Kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, và kết quả giảm thiểu chất thải, phế liệu sau khi thực hiện hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thông qua một số chỉ số quy định tại điểm d, đ mục 2.2 văn bản này.

3. Báo cáo thực hiện các tiêu chí đối với khu công nghiệp

3.1. Giải trình tóm tắt việc đáp ứng điều kiện về tỷ lệ tối thiểu tổng diện tích đất cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp trong quy hoạch xây dựng khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, trong đó nêu rõ:

a. Diện tích đất cây xanh của khu công nghiệp;

b. Diện tích đất giao thông của khu công nghiệp;

c. Diện tích đất dành cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp: gồm hệ thống giao thông, cung cấp năng lượng, chiếu sáng, viễn thông, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác;

d. Diện tích đất dành cho hệ thống hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp: gồm hệ thống hạ tầng cho dịch vụ tiện ích công cộng như y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, công viên, vườn hoa, sân chơi và các công trình hạ tầng xã hội khác.

3.2. Giải pháp đảm bảo nhà ở và các tiện ích công cộng (công trình xã hội, văn hóa, thể thao...) cho người lao động trong khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

(Kèm tài liệu chứng minh).

4. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có)/.

....., ngày.... tháng.... năm

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC A

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.4. Mẫu báo cáo theo dõi, giám sát thực hiện khu công nghiệp sinh thái

(khoản 1 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THEO DÕI, GIÁM SÁT THỰC HIỆN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

I. Thông tin về nhà đầu tư và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

1. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

1.1. Tên nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

.....
.....

1.2. Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/số quyết định thành lập:..... do..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

1.3. Mã số thuế:

.....

Địa chỉ trụ sở:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website

.....

Loại hình doanh nghiệp (Cổ phần, TNHH, tư nhân ...):

.....

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Điện thoại:

.....

Website:

.....

Email:

.....

1.4. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Họ tên:..... Giới tính:

.....

Chức danh:..... Ngày sinh:..... Quốc tịch:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:..... ngày cấp..... ; nơi cấp:

.....

Điện thoại di động:

Email:

2. Thông tin về dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

2.1. Tên dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

.....

2.2. Địa điểm thực hiện dự án:

.....

2.4. Thông tin về đăng ký đầu tư của dự án: Chủ trương đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày..... ; lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày

2.5 Diện tích đất của khu công nghiệp và đất dành cho hạ tầng chung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

Tổng diện tích đất khu công nghiệp (ha):, trong đó:

Diện tích đất dành cho cây xanh (ha): (chiếm..... % diện tích khu công nghiệp)

Diện tích đất dành cho giao thông (ha):..... (chiếm% diện tích khu công nghiệp)

Diện tích đất dành cho các khu kỹ thuật (ha):.....(chiếm% diện tích khu công nghiệp)

Diện tích đất dành cho hạ tầng xã hội dùng chung (ha):.....(chiếm.....% diện tích khu công nghiệp)

2.6. Các giải pháp về công trình xã hội (báo cáo cụ thể)

Nhà ở cho người lao động:

Công trình dịch vụ, tiện ích công cộng:

II. Tóm tắt tình hình thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động

(Trong trường hợp không lập các báo cáo riêng, nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp có thể kết hợp các nội dung này trong báo cáo xây dựng, phát triển khu công nghiệp hàng năm, báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của khu công nghiệp và các báo cáo liên quan đã gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định).

III. Tình hình thực hiện khu công nghiệp sinh thái

1. Tình hình thực hiện và duy trì hoạt động sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn

1.1. Thực hiện hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP):

- Tổng số doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã áp dụng RECP đến năm [N-2]:

Tổng số giải pháp đã áp dụng đến năm [N-2]:

- Tổng số doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã áp dụng RECP trong năm [N-1]:

Tổng số giải pháp đã áp dụng trong năm [N-1]:

- Dự kiến số doanh nghiệp trong khu công nghiệp có kế hoạch áp dụng RECP trong 3 năm tới [N+3]

1.2. Các giải pháp tiết kiệm năng lượng (nếu có)

- Áp dụng hệ thống quản lý năng lượng nào (nếu có):

- Mức tiết kiệm năng lượng cho năm [N-1]:

+ **Điện năng:**..... kWh

Mức tiết kiệm năng lượng:..... (%)^[1]

Giảm phát thải CO₂ từ tiết kiệm điện:..... (T/n)

Tiết kiệm chi phí:..... (triệu đồng)

Lợi ích khác (nêu cụ thể)

+ **Nhiên liệu khác** năm [N-1]:..... (đơn vị đo)

1.3. Hiệu quả thu được:

- Giảm phát thải CO₂ trong năm [N-1]:..... (T/n)

- Tiết kiệm nước trong năm [N-1]:..... (m³/n); tiết kiệm chi phí... (triệu đồng)

- Giảm nước thải trong năm [N-1]:..... (m³/n); tiết kiệm chi phí..... (triệu đồng)

- Giảm chất thải phải xử lý thông qua:

+ Tái sử dụng:..... (T/n); tiết kiệm chi phí..... (triệu đồng)

+ Tái chế:..... (T/n); tiết kiệm chi phí:..... (triệu đồng)

- Tiết kiệm vật liệu năm [N-1]:..... (t/n); tiết kiệm chi phí..... (triệu đồng)

- Tiết kiệm hóa chất năm [N-1]:..... (t/n); tiết kiệm chi phí:.... (triệu đồng)

- Tổng chi phí tiết kiệm trong năm [N-1]:..... (triệu đồng)

2. Tình hình thực hiện cộng sinh công nghiệp, hiệu quả thu được và các doanh nghiệp mới tham gia vào liên kết cộng sinh (nếu có)

2.1. Số lượng và loại hình cộng sinh công nghiệp

a) Số lượng cộng sinh công nghiệp đã thực hiện đến hết năm [N-1]:..... (mạng lưới);

b) Loại hình cộng sinh công nghiệp đã thực hiện:

- Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất (nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, sản phẩm phụ, phế liệu...);

- Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và xã hội dùng chung do doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);

- Sử dụng dịch vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp do Cty phát triển hạ tầng hoặc bên thứ 3 cung cấp (dịch vụ đào tạo nhân viên, dịch vụ bảo dưỡng, dịch vụ cung cấp hơi, dịch vụ kho hàng, dịch vụ kho đông lạnh ...);

- Liên kết cộng tác giữa các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp khác trong việc thu gom, xử lý, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, chất thải, phế liệu, thu hồi năng lượng và nhiệt dư, tái sử dụng và tuần hoàn nước..

- Các liên kết cộng sinh khác (nếu có, đề nghị mô tả)

c) Số lượng cộng sinh công nghiệp dự kiến đến năm [N+3]:..... (mạng lưới)

Nêu cụ thể mạng lưới dự kiến (nếu có)

d) Hình thức thỏa thuận cộng sinh công nghiệp:..... [2]

(tài liệu chứng minh kèm theo)

đ) Đối tượng thực hiện cộng sinh công nghiệp:

- Các doanh nghiệp trong cùng khu công nghiệp:

- Các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp khác nhau:

- Doanh nghiệp trong khu công nghiệp và khu vực dân cư ngoài khu công nghiệp:.....

e) Hỗ trợ của nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp để thực hiện cộng sinh công nghiệp:.....
(báo cáo cụ thể).

3. Kết quả thực hiện cộng sinh công nghiệp của khu công nghiệp:

- Tiết kiệm năng lượng cho năm [N-1]:

+ Điện năng:..... kWh

Mức tiết kiệm năng lượng:..... (%)^[3]

Giảm phát thải CO₂ từ tiết kiệm điện:..... (T/n)

Tiết kiệm chi phí:..... (triệu đồng)

Lợi ích khác (nêu cụ thể)

+ Nhiên liệu khác năm [N-1]:..... (đơn vị đo)

- Giảm phát thải CO₂ trong năm [N-1]:..... (T/n)

- Tiết kiệm nước trong năm [N-1]:.... (m³/n); tiết kiệm chi phí... (triệu đồng)

- Giảm nước thải trong năm [N-1]:... (m³/n); tiết kiệm chi phí... (triệu đồng)

- Giảm chất thải phải xử lý thông qua:
- + Tái sử dụng:..... (T/n); tiết kiệm chi phí..... (triệu đồng)
- + Tái chế:..... (T/n); tiết kiệm chi phí:..... (triệu đồng)
- Tiết kiệm vật liệu năm [N-1]:..... (t/n); tiết kiệm chi phí..... (triệu đồng)
- Sử dụng vật liệu từ doanh nghiệp khác năm [N-1]:.....(t/n); tiết kiệm chi phí..... (triệu đồng)
- Cung cấp vật liệu cho doanh nghiệp khác năm [N-1]:.....(t/n); thu được chi phí..... (triệu đồng)
- Tiết kiệm hóa chất năm [N-1]:(t/n); tiết kiệm chi phí:.....(triệu đồng)
- Tổng chi phí tiết kiệm trong năm [N-1]:(triệu đồng)
- Chia sẻ dịch vụ/dịch vụ dùng chung trong năm [N-1]:.....; tiết kiệm chi phí.... (triệu đồng);
- Các kết quả khác (nếu có):

....., ngày...tháng...năm....
**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
 tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
 (ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

[¹] So với tổng năng lượng sử dụng

[²] Hợp đồng dân sự hoặc thỏa thuận

[³] So với tổng năng lượng sử dụng

PHỤ LỤC A

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

A.5. Các chỉ số đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của khu công nghiệp sinh thái

(khoản 4 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

STT	Chỉ số	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Yêu cầu
MÔI TRƯỜNG				
1	Cộng sinh công nghiệp (ENV.1)	Số lượng cộng sinh công nghiệp đã thực hiện trong khu công nghiệp.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số bắt buộc thực hiện. Thời gian đầu khu công nghiệp cần thực hiện 01 cộng sinh công nghiệp và sau đó số lượng cộng sinh công nghiệp sẽ tăng thêm 01 sau mỗi chu kỳ 3 năm
2	Tuần hoàn tái sử dụng nước thải công nghiệp (EVN.3)	Tỷ lệ phần trăm nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được tái sử dụng/tuần hoàn trong và ngoài khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và doanh nghiệp trong khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Tỷ lệ phần trăm nước thải công nghiệp của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được tái sử dụng/tuần hoàn trong và ngoài khu công nghiệp đạt 5% tại thời điểm đánh giá lần đầu và tăng lên 25% sau 5 năm.
5	Giám sát giảm phát thải khí nhà kính (EVN.4)	Chương trình và kế hoạch cụ thể để giám sát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính như CO ₂ , CH ₄ , và NO _x .	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Công ty phát triển hạ tầng theo dõi danh sách các doanh nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm và có kế hoạch hỗ trợ, giám sát các doanh nghiệp giảm phát thải khí nhà kính.
4	Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giám sát đầu vào và	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu	Chỉ số bắt buộc thực hiện. Báo cáo định kỳ hằng

	đầu ra về sử dụng nguyên vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu trong khu công nghiệp (ENV.5)	phải xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giám sát đầu vào và đầu ra về sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu trong khu công nghiệp.	công nghiệp.	năm được gửi tới Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế về các kết quả đạt được trong sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và giám sát phát thải của khu công nghiệp.
5	Báo cáo phát triển bền vững (ENV.6)	Hàng năm nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phải công bố báo cáo thực hiện bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số bắt buộc thực hiện. Báo cáo gửi định kỳ hàng năm cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và đăng tải trên website của doanh nghiệp.
QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP				
6	Hệ thống giám sát khung về rủi ro (PM.1)	Khu công nghiệp thành lập và duy trì hệ thống giám sát khung để theo dõi và lập báo cáo về các yếu tố rủi ro nguy kịch và kế hoạch ứng phó.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích, thực hiện. Khu công nghiệp phải có đơn vị kiểm soát các yếu tố rủi ro nguy kịch về môi trường, thảm họa thiên nhiên và chịu trách nhiệm duy trì hệ thống giám sát khung để theo dõi và lập báo cáo về các yếu tố rủi ro nguy kịch và kế hoạch ứng phó (cụ thể: - Điểm rủi ro đối với những phát thải về chất thải rắn, chất thải lỏng, khí thải và nguy cơ về cháy nổ; - Rủi ro liên quan đến thảm họa thiên nhiên; và các rủi ro khác có liên quan)
7	Kế hoạch ứng	Cơ quan quản lý khu	Nhà đầu tư thực hiện	Chỉ số khuyến khích

	phó rủi ro (PM.2)	công nghiệp có kế hoạch ứng phó với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và cập nhật 7 năm/lần (như nóng và hạn hán đỉnh điểm, các hiện tượng bão lụt)	dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	thực hiện. Kế hoạch cần cập nhật thường xuyên. Tối thiểu 7 năm/lần
8	Đơn vị hỗ trợ phát triển khu công nghiệp sinh thái (PM.3)	Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế giao một đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban quản lý hoặc một đơn vị phù hợp thực hiện chức năng xây dựng, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn; đề xuất giải pháp và kết nối doanh nghiệp thực hiện cộng sinh công nghiệp; cung cấp dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi hoặc đầu tư mới khu công nghiệp sinh thái	Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế giao một đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban quản lý hoặc một đơn vị phù hợp để thực hiện các chức năng trên.
9	Thành lập mới khu công nghiệp sinh thái (PM.4)	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái đăng ký ngành, nghề thu hút đầu tư vào khu công nghiệp; dự kiến mức phát thải cho từng ngành, nghề; dự kiến phương án cộng sinh công nghiệp trong khu công nghiệp, phương án xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát đầu vào, đầu ra của khu công nghiệp về sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu và phương án thực hiện trách nhiệm xã hội	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số bắt buộc thực hiện, áp dụng cho khu công nghiệp sinh thái mới.

		đối với cộng đồng xung quanh tại hồ sơ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.		
XÃ HỘI				
10	Cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ người lao động trong khu công nghiệp (SOC.3)	Cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ người lao động (quy định tại quy hoạch xây dựng của khu công nghiệp) đáp ứng yêu cầu của người lao động	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Số lượng cán bộ, công nhân viên trong khu công nghiệp được lấy ý kiến đánh giá cơ sở hạ tầng xã hội phục vụ người lao động trong khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu. Tỷ lệ tối thiểu đạt 75%.
11	Cán bộ quản lý khu công nghiệp (SOC.5)	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế có cán bộ chuyên trách về các chỉ tiêu xã hội.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế bố trí cán bộ chuyên trách về các chỉ tiêu xã hội (thể hiện tại văn bản phân công chức năng, nhiệm vụ hoặc Hợp đồng lao động).
12	Duy trì kết nối và đối thoại với cộng đồng (SOC.7)	Duy trì kinh phí chi cho kết nối cộng đồng hàng năm.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp duy trì kinh phí chi cho hoạt động kết nối cộng đồng hàng năm.
KINH TẾ				

13	Hợp tác kinh tế (ECO.1)	Khu công nghiệp có kế hoạch phát triển liên kết hợp tác kinh tế giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Khu công nghiệp thể hiện phát triển 01 liên kết hợp tác kinh tế giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.
14	Quảng bá thông tin về phát triển khu công nghiệp sinh thái (ECO.2)	Quảng bá mô hình khu công nghiệp sinh thái	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp quảng bá thông tin về khu công nghiệp sinh thái cho các nhà đầu tư tiềm năng trong nước và quốc tế.
15	Tối đa hóa lợi ích cho lao động địa phương (ECO.3)	Khu công nghiệp có chiến lược ưu tiên sử dụng lao động địa phương.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Khu công nghiệp có bằng chứng rõ ràng về ưu tiên sử dụng lao động địa phương (Lao động địa phương được tính là lực lượng lao động tạm trú trong bán kính 100km quanh khu công nghiệp hoặc nằm trong ranh giới hành chính của địa phương).
16	Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (ECO.4)	Khu công nghiệp tạo điều kiện cho doanh nghiệp vừa và nhỏ cung cấp dịch vụ và tạo giá trị gia tăng cho khu công nghiệp.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia cung cấp dịch vụ và tạo giá trị gia tăng

				cho khu công nghiệp. Các hoạt động hỗ trợ bao gồm: • Cung cấp thông tin, hỗ trợ tài chính. • Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật. • Cung cấp cơ hội kết nối. • Giới thiệu thị trường.
17	Thúc đẩy doanh nghiệp địa phương (ECO.5)	Khu công nghiệp ưu tiên sử dụng nhà cung cấp địa phương.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp ưu tiên sử dụng nhà cung cấp địa phương và tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp địa phương.
18	Giá trị dịch vụ khu công nghiệp (ECO.6)	Khoản thu từ dịch vụ/phí hạ tầng đảm bảo kinh phí hoạt động cho khu công nghiệp.	Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp chứng minh khoản thu từ dịch vụ/phí hạ tầng đảm bảo chi trả kinh phí hoạt động cho khu công nghiệp.

^[1] Phương án thực hiện trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh có thể được xây dựng theo Báo cáo trách nhiệm xã hội (CSR), Báo cáo môi trường, xã hội, quản trị (ESG) hoặc các báo cáo phát triển bền vững tương tự.

PHỤ LỤC B

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

B.1. Văn bản đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái

(điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Kính gửi:..... (Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin về nhà đầu tư:

1.1 Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:..... Giới tính:

Ngày sinh:..... Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)^[1] số:..... ; ngày cấp:..... ; Nơi cấp:...

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

1.2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)^[2] số:.....; ngày cấp:..... ; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có):.....

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung nêu tại mục trên.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức kinh tế thực hiện dự án, gồm:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam

Họ tên:..... Ngày sinh:.....

Số định danh cá nhân/căn cước công dân:..... Quốc tịch:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài

Họ tên:..... Ngày sinh:

Số Hộ chiếu:.....: Quốc tịch:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

2. Thông tin về tổ chức kinh tế thực hiện dự án (nếu có)

- Tên tổ chức kinh tế:

- Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định thành lập:..... do (tên cơ quan cấp), cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày:

3. Thông tin về dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư

- Địa điểm thực hiện dự án

- Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc văn bản pháp lý tương đương): số..... cơ quan cấp..... cấp lần đầu ngày,....., lần điều chỉnh gần nhất ngày (nếu có).

II. KIẾN NGHỊ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BKHĐT ngày..... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái.

Nhà đầu tư đề nghị Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tỉnh/thành phố đánh giá, chứng nhận (*hoặc chứng nhận lại*) cho doanh nghiệp..... (**in đậm tên doanh nghiệp**) đạt tiêu chí doanh nghiệp sinh thái.

III. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam, các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái do cơ quan có thẩm quyền cấp./.

....., ngày..... tháng.... năm

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

^[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

^[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH
NGHIỆP SINH THÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

B.2. Báo cáo về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái

(Điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÓM TẮT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KHU
CÔNG NGHIỆP SINH THÁI**

Kính gửi:..... (Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)

1. Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư theo mẫu Báo cáo năm về tình hình thực hiện dự án đầu tư dành cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư^[1] (báo cáo đã gửi trong 3 năm gần nhất).
2. Báo cáo tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và lao động của doanh nghiệp (các báo cáo đã gửi trong 3 năm gần nhất)^[2].
3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại khu công nghiệp lũy kế đến năm gần nhất so với thời điểm đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái^[3].

(Trong trường hợp không lập các báo cáo riêng, nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp có thể kết hợp các nội dung này trong các báo cáo có liên quan đã gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương theo quy định).

...., ngày.... tháng.... năm.....

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

^[1] Mẫu báo cáo định kỳ của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư ban hành kèm theo Thông tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản điều chỉnh (nếu có).

^[2] Các báo cáo định kỳ theo Quý/6 tháng/năm gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các sở ngành có liên quan của địa phương.

^[3] Mẫu báo cáo định kỳ theo Quý/6 tháng/năm gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

PHỤ LỤC B

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

B.3. Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái

(Điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐÁNH GIÁ VÀ GIẢI TRÌNH KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Kính gửi:.....*(Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)*

I. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SINH THÁI

1.1. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và lao động

Đánh giá sơ bộ việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

Trong trường hợp không lập các báo cáo riêng, doanh nghiệp gửi kèm theo các báo cáo đã thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và các báo cáo liên quan đã gửi Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái theo quy định.

1.2. Tình hình thực hiện cộng sinh công nghiệp và áp dụng hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO)

a) Tham gia hình thức cộng sinh công nghiệp tại khu công nghiệp (một hoặc một số các hình thức sau)

- Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra (nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác) trong quá trình sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba cung cấp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung của khu công nghiệp do nhà đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);
- Sử dụng chung dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh trong khu công nghiệp do các bên thực hiện cộng sinh công nghiệp hoặc bên thứ ba trong hoặc ngoài khu công nghiệp cung cấp;
- Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất (nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, sản phẩm phụ, phế liệu...);
- Các liên kết cộng sinh khác (nếu có, đề nghị mô tả).

b) Mô tả cụ thể mạng lưới cộng sinh công nghiệp (kèm sơ đồ).

c) Bản sao Thỏa thuận/Cam kết hợp tác thực hiện cộng sinh công nghiệp của doanh nghiệp với các doanh nghiệp khác trong khu công nghiệp.

d) Hiệu quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu (nếu có) khi thực hiện cộng sinh công nghiệp thông qua một số chỉ số:

+ Tiết kiệm điện:..... (KWh/năm);

+ Tiết kiệm nhiên liệu (dầu FO, dầu DO, khí LPG, CNG, gỗ từ cây rừng tự nhiên, gỗ từ cây rừng trồng,...):..... đơn vị GJ/năm;

+ Giảm tiêu thụ nước cấp:..... m³/năm;

+ Tiết kiệm nguyên vật liệu..... tấn/năm;

- Nguyên vật liệu 1:

- Nguyên vật liệu 2:

.....

+ Tiết kiệm hóa chất:..... tấn/năm

- Hóa chất 1:

- Hóa chất 2:

.....

đ) Giảm tác động đến môi trường sau khi thực hiện cộng sinh công nghiệp thông qua một số chỉ số (nếu có):

+ Giảm chất thải rắn:..... tấn/năm;

+ Giảm phát sinh nước thải.... m³/năm; giảm.... kg/năm thông số COD, BOD, TSS trong nước thải;

+ Giảm phát thải CO₂ tương đương:..... tấn/năm;

e) Báo cáo về hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) của doanh nghiệp tham gia cộng sinh công nghiệp đang áp dụng gồm: Nhóm ISO 14000, Hệ thống kiểm toán và quản lý môi trường (IEMAS), Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001, Môi trường toàn cầu và phát triển năng lượng (EDGE), các tiêu chuẩn khác tương đương (nêu cụ thể kèm theo bản sao của Chứng chỉ đã được chứng thực).

1.3. Báo cáo thực hiện các giải pháp hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn của doanh nghiệp

- Báo cáo thực hiện hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn do doanh nghiệp tự lập hoặc đơn vị tư vấn hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn thực hiện;

- Kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, kết quả giảm chất thải, phế liệu sau khi thực hiện hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thông qua một số chỉ số quy định tại điểm d, đ mục 1.2 văn bản này.

2. Các tài liệu khác kèm theo

2.1. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho khu công nghiệp nơi doanh nghiệp thực hiện dự án;

2.2. Các tài liệu khác kèm theo (nếu có)./.

**Xác nhận của nhà đầu tư thực
hiện dự án đầu tư xây dựng và
kinh doanh kết cấu hạ tầng khu
công nghiệp**

....., ngày.... tháng.... năm

**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC B

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

B.4. Báo cáo theo dõi, giám sát thực hiện doanh nghiệp sinh thái

(khoản 2 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THEO DÕI, GIÁM SÁT THỰC HIỆN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Thông tin về nhà đầu tư:

1.1 Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:..... Giới tính:
.....

Ngày sinh:..... Quốc tịch:
.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)^[1] số:.... ; ngày cấp:..... ; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:
.....

Chỗ ở hiện tại:
.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:
.....

1.2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)^[2] số:; ngày cấp:..... ; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có):

.....

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung nêu tại mục trên.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức kinh tế thực hiện dự án, gồm:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số định danh cá nhân/căn cước công dân:..... Quốc tịch:

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số Hộ chiếu:..... Quốc tịch:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

2. Thông tin về tổ chức kinh tế thực hiện dự án (nếu có)

- Tên tổ chức kinh tế:

.....

- Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định thành lập:..... do (tên cơ quan cấp), cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày:

3. Thông tin về dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư

.....

- Địa điểm thực hiện dự án

.....

- Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc văn bản pháp lý tương đương): số..... cơ quan cấp..... cấp lần đầu ngày,....., lần điều chỉnh gần nhất ngày..... (nếu có).

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC SẢN XUẤT CỦA DOANH NGHIỆP^[3]

1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở năm [Năm N-1]

Năng lực SX Tên sản phẩm	Đơn vị đo (1)	Theo thiết kế	Mức sản xuất hiện tại	Tiêu thụ năng lượng theo sản phẩm ⁽²⁾	Doanh thu theo sản phẩm (triệu đồng)

Trong đó:

(1) Chọn đơn vị phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v...

(2) Lựa chọn loại năng lượng và đơn vị phù hợp trên hệ thống, có thể thêm nhiều loại năng lượng nếu có.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ DUY TRÌ HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN VÀ SẢN XUẤT SẠCH HƠN

2.1. Tiết kiệm năng lượng

a) Mô hình tiết kiệm năng lượng đã áp dụng:

b) Mức tiết kiệm năng lượng cho năm [N-1]:

Điện năng.....(kWh)

Giảm phát thải CO₂ tương đương từ tiết kiệm điện..... (Tấn /năm)

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng)

Lợi ích khác:

Nhiên liệu năm [N-1]:..... (đơn vị đo):

Giảm phát thải CO₂ tương đương từ tiết kiệm nhiên liệu..... (Tấn /năm)

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng)

Lợi ích khác:

2.2 Giảm phát thải CO₂ tương đương:..... (Tấn /năm) trong năm [N-1]

2.3 Tiết kiệm nước (m³/năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng)

2.4 Giảm nước thải trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng);

2.5 Giảm chất thải phải xử lý (Tấn /năm):..... thông qua

Tái sử dụng (Tấn /năm):Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

Tái chế (Tấn /năm):..... Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

2.6 Tiết kiệm vật liệu sơ cấp (Tấn /năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

2.7 Tiết kiệm hóa chất (Tấn /năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CỘNG SINH CÔNG NGHIỆP

3.1. Số lượng và loại hình cộng sinh công nghiệp

a) Số lượng cộng sinh công nghiệp đã thực hiện đến năm [N] :

b) Loại hình cộng sinh công nghiệp đã thực hiện:

- Trao đổi yếu tố đầu vào, đầu ra phục vụ sản xuất (nguyên vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, sản phẩm phụ, phế liệu...);

- Sử dụng chung hạ tầng phục vụ sản xuất trong khu công nghiệp (không bao gồm hạ tầng kỹ thuật và xã hội dùng chung do doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp cung cấp);

- Sử dụng dịch vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp do nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hoặc bên thứ 3 cung cấp (dịch vụ đào tạo nhân viên, dịch vụ bảo dưỡng, dịch vụ cung cấp hơi, dịch vụ kho hàng, dịch vụ kho đông lạnh...);

- Liên kết cộng tác giữa các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp khác trong việc thu gom, xử lý, tái sử dụng và tái chế nguyên vật liệu, chất thải, phế liệu, thu hồi năng lượng và nhiệt dư, tái sử dụng và tuần hoàn nước.

- Các liên kết cộng sinh khác (nếu có, đề nghị mô tả)

c) Hình thức thực hiện cộng sinh công nghiệp:

- Thông qua cam kết được ký với doanh nghiệp trong khu công nghiệp: (cung cấp tên doanh nghiệp)

- Thông qua cam kết được ký với doanh nghiệp bên ngoài khu công nghiệp:
(cung cấp tên doanh nghiệp)

d) Hỗ trợ của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp trong thực hiện cộng sinh công nghiệp (nếu có đề nghị cung cấp cụ thể)
.....

3.2. Kết quả thực hiện cộng sinh công nghiệp

3.2.1. Mức tiết kiệm năng lượng trong năm [N-1]:

Điện năng (kWh):

Giảm phát thải CO₂ tương đương từ tiết kiệm điện

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

Lợi ích khác:

Nhiên liệu năm [N-1]: (đơn vị đo):

Giảm phát thải CO₂ tương đương từ tiết kiệm nhiên liệu:

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng)

Lợi ích khác:

3.2.2 Giảm phát thải CO₂ tương đương (Tấn /năm) trong năm [N-1]:

3.2.3 Tiết kiệm nước (m³/năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí (Triệu đồng):

3.2.4 Giảm nước thải (m³/năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng);

3.2.5 Giảm chất thải phải xử lý (Tấn /năm) trong năm [N-1]:

Các biện pháp đã áp dụng để giảm chất thải

Tái sử dụng (Tấn /năm):..... Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

Tái chế (Tấn /năm):..... Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

3.2.6 Tiết kiệm vật liệu sơ cấp (Tấn /năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

3.2.7 Sử dụng vật liệu thứ cấp (Tấn /năm) từ doanh nghiệp khác:

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng)

3.2.8 Cung cấp vật liệu thứ cấp cho doanh nghiệp khác:

Tiết kiệm chi phí:..... (Triệu đồng)

3.2.9 Tiết kiệm hóa chất (Tấn /năm) trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)

3.2.10 Chia sẻ dịch vụ/dịch vụ dùng chung trong năm [N-1]:

Tiết kiệm chi phí..... (Triệu đồng)/.

...., ngày.... tháng.... năm.....
**Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư/
tổ chức kinh tế thực hiện dự án**
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

^[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

^[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

^[3] N là năm báo cáo; N-1 là năm trước năm báo cáo 01 năm; N-2 là năm trước năm báo cáo 02 năm; N+3 là năm sau năm báo cáo 03 năm.

PHỤ LỤC B

MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

B.5. Các chỉ số đánh giá hiệu quả môi trường, xã hội của doanh nghiệp sinh thái

(khoản 4 Điều 43 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

STT	Chỉ số	Nội dung	Đối tượng áp dụng	Yêu cầu
MÔI TRƯỜNG				
1	Áp dụng giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP) (ENV.2)	Tỷ lệ phần trăm (%) các doanh nghiệp trong khu công nghiệp áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn.	Doanh nghiệp	Chỉ số bắt buộc thực hiện. Phần trăm (%) các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (tối thiểu 20%).
XÃ HỘI				
2	Quy định về	Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu	Doanh nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực

	tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động (SOC.1)	công nghiệp có trên 100 lao động có các quy định về việc tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người lao động.		hiện. Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động có các quy định về việc tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của người lao động: tối thiểu 75%.
3	Công khai thông tin và trách nhiệm giải trình (SOC.2)	Tỷ lệ doanh nghiệp công khai thông tin (trên cổng thông tin điện tử, báo chí).	Doanh nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp công khai thông tin (trên cổng thông tin điện tử, báo chí) đạt tối thiểu 75%.
4	Bình đẳng giới và dịch vụ xã hội (SOC.4)	Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động thực hiện bình đẳng giới trong an sinh xã hội, an toàn lao động, vệ sinh lao động, tập huấn về áp dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP).	Doanh nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Tỷ lệ doanh nghiệp trong khu công nghiệp có trên 100 lao động thực hiện bình đẳng giới trong an sinh xã hội (có hợp đồng lao động, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội), an toàn lao động, vệ sinh lao động, tập huấn về hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn và sử dụng tiết kiệm tài nguyên: tối thiểu đạt 75%.
5	Phòng chống quấy rối và phân biệt đối xử (SOC.6)	Doanh nghiệp có các quy định về phòng chống quấy rối và phân biệt đối xử tại nơi làm việc.	Doanh nghiệp	Chỉ số khuyến khích thực hiện. Hệ thống phòng ngừa, ứng phó phân biệt đối xử và quấy rối bao gồm các thủ tục khiếu nại và phản hồi, đầu mối liên hệ và nền tảng báo cáo (ví dụ: trên trang web, hộp thư khiếu nại, đường dây nóng, bàn

			trợ giúp,...).
			Tỷ lệ doanh nghiệp có các quy định về phòng chống quấy rối và phân biệt đối xử tại nơi làm việc: tối thiểu đạt 75%

PHỤ LỤC C

MẪU VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

C.1. Mẫu Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái

(Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.... , ngày.... tháng.... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Mã số:

Chứng nhận lần đầu: ngày.... tháng..... năm

Chứng nhận lại: ngày..... tháng..... năm..... (nếu có)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BKHĐT ngày....tháng.....năm.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái;

Xét đề nghị của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế..... tại Báo cáo số..... về việc đề nghị chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

CHỨNG NHẬN

Khu công nghiệp sinh thái đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

I. Thông tin về nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

Tên nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)^[1] số:.....; ngày cấp:..... ;

Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có)

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có):

.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức kinh tế thực hiện dự án, gồm:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân :..... Quốc tịch:

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số Hộ chiếu:..... Quốc tịch:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

II. THÔNG TIN VỀ KHU CÔNG NGHIỆP

1. Tên khu công nghiệp:

2. Tên dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

3. Địa điểm thực hiện dự án (*ghi cụ thể xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố*):

.....

3. Quy mô dự án:

.....

4. Mã số dự án:

.....

5. Thông tin về đăng ký đầu tư của dự án: Chủ trương đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư số..... do..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày,....., lần điều chỉnh gần nhất ngày..... (nếu có).

Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái này được lập thành (*bằng chữ*) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:..... và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

[¹] Một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các tài liệu tương đương khác.

PHỤ LỤC C

**MẪU VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ
CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

C.2. Mẫu Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái

(Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ
BAN QUẢN LÝ KCN, KKT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

...., ngày.... tháng.... năm

GIẤY CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Mã số:

Chứng nhận lần đầu: ngày.... tháng.... năm

Chứng nhận lại: ngày.... tháng.... năm.....

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BKHĐT ngày.... tháng.... năm..... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái;

Xét đề nghị của (Nhà đầu tư)..... tại văn bản số..... về việc đề nghị chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ.....

CHỨNG NHẬN

Doanh nghiệp sinh thái đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế với các nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin về nhà đầu tư:

1.1 Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:..... Giới tính:
.....

Ngày sinh:..... Quốc tịch:
.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)^[1] số:..... ; ngày cấp..... ; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:
.....

Chỗ ở hiện tại:
.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):
.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:
.....

1.2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)^[2] số:.....; ngày cấp:..... ; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website (nếu có):.....

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như trên.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức kinh tế thực hiện dự án, gồm:

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số định danh cá nhân/căn cước công dân:..... Quốc tịch:

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

- Đối với người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài

Họ tên:..... Ngày sinh:

.....

Số Hộ chiếu:..... Quốc tịch:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

2. Thông tin về tổ chức kinh tế thực hiện dự án (nếu có)

- Tên tổ chức kinh tế:

- Mã số doanh nghiệp/số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định thành lập:..... do (tên cơ quan cấp), cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất (nếu có) ngày:

3. Thông tin về dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư

- Địa điểm thực hiện dự án

- Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc văn bản pháp lý tương đương): số..... cơ quan cấp cấp lần đầu ngày,....., lần điều chỉnh gần nhất ngày..... (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên dự án đầu tư

- Địa điểm thực hiện dự án

- Giấy chứng nhận đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc văn bản pháp lý tương đương): số..... cơ quan cấp..... cấp lần đầu ngày,....., lần điều chỉnh gần nhất ngày..... (nếu có).

- Mã số dự án:

.....

Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái này được lập thành (bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại:..... và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế./.

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ...
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Nhà đầu tư hạ tầng KCN;
- Lưu VT,...

^[1] Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

^[2] Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

PHỤ LỤC C

MẪU VĂN BẢN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

C.3. Mẫu Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái

(Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP)

**CƠ QUAN NHÀ NƯỚC
CÓ THẨM QUYỀN^[1]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/TB-...

....., ngày... tháng.... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái

Kính gửi:.....(tên nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án)

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số/2025/TT-BKHĐT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái;

Căn cứ Quyết định số..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của..... (ghi tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

Căn cứ Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái sốdo..... cấp ngày..... ;

Căn cứ..... (văn bản, tài liệu là căn cứ trực tiếp để chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái);

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền^[2].... thông báo

1. Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái đối với:

- Tên dự án:

- Mã số...../số Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái do..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày..... và điều chỉnh ngày..... của..... (tên Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số..... ngày.... do..... (tên cơ quan) cấp lần đầu ngày..... và điều chỉnh ngày.....

2. Lý do chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái: *(ghi cụ thể lý do theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế).*

3. Nhà đầu tư/ tổ chức kinh tế thực hiện dự án không được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, quy định khác của pháp luật có liên quan đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái phát sinh sau ngày Thông báo này có hiệu lực và chịu trách nhiệm hoàn thiện các thủ tục pháp lý có liên quan.

4. Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày..... và được lập thành..... (bằng chữ) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản; 01 bản cấp cho nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT...

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

^[1] Tương ứng với thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái/Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế)

^[2] Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế